TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/KDTM-ST
Ngày: 16– 10 – 2020
"V/v Tranh chấp

hợp đồng xây dựng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**
Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông **Lê Truyền Bình**
2. Ông **Huỳnh Tiễn**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Linh Phương –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà **Hà Thị Thu Hiếu -** Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-KDTM ngày 09/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-KDTM ngày 29/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH MTV XD TM & DV N**; Trụ sở: 307 đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phan Thị Mỹ H –** Giám đốc. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư V**; Trụ sở: 174 đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - Công ty TNHH MTV XD TM & DV N (sau đây gọi tắt là Công ty N) trình bày:* Ngày 02/11/2017 Công ty N ký với Xí nghiệp X thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V(*sau đây gọi tắt là Công ty V*) Hợp số 0211/2017/HĐKT, tiếp đến ngày 22/11/2017 hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 22112017/PLHĐ về việc cung ứng và thi công lắp đặt đá granite cho công trình trụ sở Tòa án quân sự quân khu V. Tổng giá trị Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng là 365.743.865đ, Xí nghiệp X đã tạm ứng cho Công ty V số tiền 307.799.995đ, còn lại 57.943.870đ. Sau khi Công ty N thực hiện xong nội dung công việc theo Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng, ngày 28/12/2017 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn

thành, Công ty N đã xuất đủ hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định nhưng Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại. Ngày 31/12/2018, Xí nghiệm X cũng đã có thư xác nhận đúng số tiền còn lại phải trả cho Công ty N là 57.943.870đ, tuy nhiên đến nay mặc dù Công ty N đã nhiều lần có văn bản đề nghị thanh toán nhưng phía xí nghiệp X chỉ hứa hẹn chứ không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nay Công ty N yêu cầu Tòa án buộc đơn vị chủ quản của Xí nghiệp X là Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư V phải thanh toán số tiền phát sinh theo Hợp đồng đã được các bên xác nhận là 57.943.870đ

** Phản hồi của bị đơn – Công ty V về vụ án như sau:*

Tại phiên hòa giải ngày 06/7/2020, người được Công ty V ủy quyền tham gia phiên hòa giải là ông Nguyễn Văn N - Giám đốc xí nghiệp X *(theo văn bản ủy quyền số 388/GUQ-CT ngày 30/6/2020)* vắng mặt nhưng đã có văn bản *(Công văn số 35/CV-XN ngày 06/7/2020)* trình bày xác nhận Công trình cải tạo, nâng cấp trụ sở Tòa án quân khu 5 là do Công ty V ký hợp đồng với chủ đầu tư và giao cho Xí nghiệp X thi công. Quá trình cổ phần hóa Công ty thay đổi chủ sở hữu nên có nhiều vướng mắc dẫn đến chậm trễ thanh toán tiền cho các đối tác, trong đó có Công ty V đồng thời Xí nghiệp X xác nhận đúng số nợ hiện nay đối với Công ty N là 57.943.870đ. Các phiên hòa giải còn lại, bị đơn đều tham gia nhưng không đảm bảo thủ tục ủy quyền.

Ngày 22/7/2020, Tòa án có thông báo số 326/TB-TA gửi Công ty V thông báo nội dung trình bày trên của người đại diện theo ủy quyền để Công ty có ý kiến bổ sung đồng thời đề nghị Công ty V hoàn chỉnh về thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng. Tuy nhiên, phía Công ty V vẫn không có ý kiến phản hồi, không hoàn chỉnh thủ tục ủy quyền và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ cho những người tham gia tố tụng. Quá trình hòa giải, công khai chứng cứ bị đơn không trực tiếp tham gia, tuy nhiên cũng có văn bản trình bày về vụ án. Tại các phiên tòa bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung: Hợp số 0211/2017/HĐKT ngày 02/11/2017 và phụ lục Hợp đồng số số 22112017/PLHĐ ngày 22/11/2020 được ký kết đúng về mặt chủ thể, nội dung Hợp đồng không vi phạm điều cấm nên có giá trị thi hành đối với các bên. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chứng minh số tiền bị đơn còn nợ theo Hợp đồng và đại diện bị đơn cũng có văn bản thừa nhận đúng số tiền nợ hiện nay. Do đó có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N, buộc công ty V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền phát sinh theo Hợp đồng là 57.943.870đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai Công ty với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận, trụ sở của bị đơn cũng như nơi thực hiện Hợp đồng đều thuộc địa phận quận H, thành phố Đà Nẵng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận H thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, các bên đương sự đã được tiếp cận, công khai chứng cứ và có lời khai thể hiện ý kiến của mình về vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Hợp đồng số 0211/2017/HĐKT ngày 02/11/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 22112017/PLHĐ ngày 22/11/2017 được xác lập giữa Công ty N và Xí nghiệp X là Chi nhánh của Công ty V, việc ký kết Hợp đồng là dựa trên nguyên tắc tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan. Căn cứ khoản 6 Điều 84 Bộ luật dân sự , *"Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh, văn phòng đại diện xác lập, thực hiện*", Công ty N khởi kiện đối với đơn vị chủ quản của Xí nghiệp X là Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư V là có căn cứ để xem xét.

Theo Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng cùng với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và nội dung trình bày của đại diện bị đơn đều thể hiện sau khi thực hiện Hợp đồng, ngày 28/12/2017 Công ty N và Xí nghiệp X đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đồng thời Công ty N đã xuất đủ hóa đơn theo thỏa thuận nhưng phía Công ty bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tại thư xác nhận ngày 31/12/2018 (*một năm sau khi nghiệm thu khối lượng hoàn thành*), Xí nghiệm X xác nhận số tiền còn phải thanh toán là 57.943.870đ. Trong khi đó theo điểm b Điều 5 Hợp đồng *"Sau khi hoàn thành bàn giao, hai bên tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, bên B (Công ty N) xuất hóa đơn GTGT theo quy định, bên A thanh toán 01 lần trong vòng 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu thanh lý"*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định phía Công ty bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng, nên căn cứ Điều 275 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền phát sinh theo Hợp đồng là 57.943.870đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần nội dung chấp nhận của nguyên đơn

[5] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 144 Luật xây dựng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV XD TM & DV N đối với Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư V;

* Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư V phải trả cho Công ty TNHH MTV XD TM & DV N 57.943.870đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn - Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư V phải chịu 2.897.193đ *(Hai triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn một trăm chín mươi ba đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV XD TM & DV N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.448.596đ *(Một triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm chín mươi sáu đồng)* theo biên là thu tiền số 0009110 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hánh án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận H;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THA DS quận H;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Đoàn Công Quốc